

Số: 162 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An

Thực hiện Quyết định số 243/QĐ-TTr ngày 19/6/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 05/7/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 19/7/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 81B Quốc lộ 62, Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100107301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04/8/2022.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ trong ngành hàng nông sản, thủy sản.

- Điện thoại giao dịch: 02723.823.900.

- Các số tài khoản:

+ Số 111000004292 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

+ Số 027109457 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Tổng số chi nhánh/đơn vị hạch toán phụ thuộc: 01 nhà máy trực thuộc.

- Đã thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 180 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Trong thời kỳ thanh tra, đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương; chưa thông báo về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 với cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi đặt trụ sở.

- Đã báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động để làm việc cho doanh nghiệp.
- Số người lao động tuyển dụng trong thời kỳ thanh tra: 33 người (năm 2023 tuyển dụng 21 người, 06 tháng đầu năm 2024 tuyển dụng 12 người).
- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.
- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- Việc ký kết hợp đồng đào tạo với người lao động, người học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

a. Giao kết hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm ngày 30/6/2024)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 178 người.
- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 178 người, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 148 người;
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 30 người.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng: 0 người.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.
 - + Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0 người.
- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 02 người (đang trong thời gian thử việc).
- Kiểm tra 05 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động (các ông, bà: Trần Quang Vũ, Trần Văn Kiệt, Đào Công Bình, Bùi Văn Giúp, Nguyễn Thị Phương) mục công việc phải làm ghi “các công việc khác có liên quan được Tổng giám đốc, trưởng phòng/ban/bộ phận phân công, điều hành cụ thể”.

b. Chế độ đối với người lao động mất việc, thôi việc trong thời kỳ thanh tra

- Số lao động bị mất việc làm; việc trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động bị mất việc làm: không phát sinh.
- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.
- Số lao động thôi việc: 25 người, trong đó có 08 người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc. Doanh nghiệp đã chi trả cho 08 người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc với tổng số tiền 319.844.584 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (sau đây viết tắt là TULĐTT)

- Doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định. Tuy nhiên, hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước ngày đối thoại 05 ngày làm việc.

- Doanh nghiệp áp dụng TULĐTT đã ký ngày 04/8/2022 còn hiệu lực. Nội dung TULĐTT không trái quy định của pháp luật, tuy nhiên chủ yếu chép lại Bộ luật Lao động. Hồ sơ TULĐTT không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc người sử dụng lao động.

- Đã thực hiện đúng nội dung thỏa ước lao động tập thể.

- Doanh nghiệp đã gửi TULĐTT đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Long An (Công văn ngày 17/8/2022).

- Doanh nghiệp áp dụng quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp ban hành tại Quyết định số 02/QĐ-TGD ngày 02/01/2019 của Tổng giám đốc doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy chế dân chủ cơ sở chưa quy định các nội dung tổ chức đối thoại tại nơi làm việc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.160.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất của người lao động: 5.506.552 đồng/tháng; thu nhập cao nhất của người lao động: 110.000.000 đồng/tháng.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (đối với khối văn phòng), theo sản phẩm (đối với khối sản xuất).

- Phương pháp trả lương: trả qua tài khoản mở tại ngân hàng. Doanh nghiệp trả chi phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương.

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động (Quyết định số 01/QĐ-LAF.24 ngày 09/01/2024 của Tổng Giám đốc doanh nghiệp).

- Việc trả tiền lương làm thêm giờ; tiền lương làm việc vào ban đêm: kiểm tra bảng thanh toán tiền lương tháng 5/2024, doanh nghiệp đã trả tiền lương làm thêm giờ cho người lao động bằng 150% vào ngày thường, trả tiền lương làm đêm bằng 30% tính theo đơn giá tiền lương ngày thường.

- Đã trả lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

- Việc thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm đối với người lao động thôi việc: doanh nghiệp bố trí người lao động nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không.

- Tiền ăn ca: ca 1 mức 30.000 đồng/người/ca, ca 2 và ca 3 mức 50.000 đồng/người/ca.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi: không quá 08 giờ/ngày và không quá 48 giờ/tuần đối với khối văn phòng; không quá 08 giờ/ca đối với ca sản xuất.

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm không vượt quá số giờ quy định (kiểm tra bảng chấm công tháng 5/2024, người làm làm thêm cao nhất là ông Phạm Hải An làm thêm 28 giờ/tháng).

- Việc thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng: doanh nghiệp thực hiện đúng theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày/năm (chưa tính thâm niên), số ngày nghỉ hàng năm đối với người lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp đang áp dụng nội quy lao động ban hành theo Quyết định số 61/QĐ-HSC ngày 04/8/2022 của Tổng giám đốc, đã đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương tỉnh Long An. Tuy nhiên, nội quy lao động thiếu một số nội dung hoặc có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Chưa quy định trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động.

+ Chưa quy định nội dung phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

+ Điều 8 nguyên tắc tuyển dụng quy định: không tuyển dụng đối với người có bệnh truyền nhiễm, sử dụng chất ma túy, nghiện rượu, bia hoặc có triệu chứng của những bệnh đó.

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: không phát sinh.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 109 người.

- Các quy định riêng đối với lao động nữ:

+ Lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không sử dụng.

+ Đã thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

+ Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Đã hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động với mức 100.000 đồng/người/tháng.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.

- Tổng số người lao động cao tuổi: 02 người; không thỏa thuận việc rút ngắn thời gian làm việc với người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại và tranh chấp lao động:

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh khiếu nại và tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 0 người.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm theo quy định.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo Quyết định số 18/QĐ-LAF.22 ngày 01/4/2022 của Tổng giám đốc doanh nghiệp, gồm 07 người. Doanh nghiệp đã ban hành quy chế hoạt động mạng lưới an toàn, vệ sinh viên và chi trả phụ cấp trách nhiệm với mức 100.000 đồng/người/tháng.

- Số người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động: 01 người làm việc bán chuyên trách (Quyết định số 18/QĐ-LAF ngày 01/8/2019 của Tổng giám đốc).

- Đã bố trí 01 người làm công tác y tế (bà Nguyễn Thị Thúy Hằng có trình độ y sỹ).

- Tổng số các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động doanh nghiệp đang sử dụng: 68 máy, thiết bị (14 bình chịu áp lực, 03 nồi hơi, 16 hệ thống lạnh, 03 hệ thống chiết nạp khí ni tơ, 12 xe nâng hàng, 12 pa lăng xích, 02 hệ thống đường ống dẫn hơi nước nóng, 01 đường ống dẫn hơi khí gas, 03 bồn chứa chứa khí LPG, 02 chảo gia nhiệt dầu) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động theo quy định và lập sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận huấn luyện, cấp thẻ an toàn lao động. Tuy nhiên, sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận huấn luyện, cấp thẻ an toàn lao động không có chữ ký của người lao động.

- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và lập danh mục trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Tuy nhiên, doanh nghiệp chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động.

- Việc thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại: không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không để xảy ra tai nạn lao động.

- Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động (năm 2023 đo 209 mẫu, trong đó 05 mẫu không đạt tiêu chuẩn gồm 01 mẫu tiếng ồn và 04 mẫu nhiệt độ;

2024 đo 207 mẫu, trong đó: 05 mẫu không đạt tiêu chuẩn gồm 04 mẫu tiếng ồn, 05 mẫu ánh sáng).

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động (tủ thuốc, túi sơ cấp cứu).

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản. Sổ khám sức khỏe định kỳ không có ảnh của người lao động, không có chữ ký của người lao động.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN)

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: 175 người.

+ Số người đã tham gia: 175 người.

+ Số người chưa tham gia: 0 người.

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: 11 người (05 người thử việc, 06 người lao động cao tuổi).

- Số tiền chậm đóng tại thời điểm ngày 30/6/2024: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động; không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã trả trợ cấp thôi việc cho 08 lao động đủ điều kiện hưởng, số tiền 319.844.584 đồng.

1.7. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.8. Thỏa ước lao động tập thể đã ký kết và gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Long An.

1.9. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.10. Doanh nghiệp trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng; trả lương qua tài khoản mở tại ngân hàng, người sử dụng lao động trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.

1.11. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.12. Đã thực hiện bữa ăn ca cho người lao động: ca 1 mức 30.000 đồng/người/ca; ca 2 và ca 3 mức 50.000 đồng/người/ca.

1.13. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.14. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Long An.

1.15. Trong kỳ thanh tra, không phát sinh việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương, bồi thường trách nhiệm vật chất.

1.16. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.17. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.18. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.19. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, công tác y tế.

1.20. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với 68 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

1.21. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.

1.22. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.23. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.24. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.25. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.26. Đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.27. Đã trích đóng đầy đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho cơ quan BHXH.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng và cả năm 2023 đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.2. Nội dung của hợp đồng lao động chưa đảm bảo quy định: mục công việc phải làm ghi “các công việc khác có liên quan được Tổng giám đốc, trưởng phòng/ban/bộ phận phân công, điều hành cụ thể” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước ngày đối thoại 05 ngày làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.4. Trình tự, thủ tục xây dựng TULĐTT chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể

người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.5. Quy chế dân chủ cơ sở chưa quy định các nội dung tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.6. Nội quy lao động thiếu một số nội dung hoặc có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể:

- Chưa quy định trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

- Chưa quy định nội dung phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động năm 2019.

- Điều 8 nguyên tắc tuyển dụng quy định: không tuyển dụng đối với người có bệnh truyền nhiễm, sử dụng chất ma túy, nghiện rượu, bia hoặc có triệu chứng của những bệnh đó là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 8 Bộ luật Lao động.

2.7. Sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động nhưng không có chữ ký của người lao động theo mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.

2.8. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.9. Sổ khám sức khỏe định kỳ không có ảnh của người lao động, không có chữ ký của người lao động theo mẫu số 03 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẠP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra khi có phát sinh

2. Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.4, 2.5, 2.6, 2.7, 2.8, 2.9 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành.

3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/8/2024./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (đề t/h);
- Chánh thanh tra (đề b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

